

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

**DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN
VÀ CÁC MÔN BỔ SUNG KIẾN THỨC CỦA CÁC NGÀNH DỰ TUYỂN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021 ĐỢT 1**

I. Trình độ thạc sĩ

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
1	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Khuyến nông, Nông học, Khoa học cây trồng (Chuyên ngành Công nghệ giống cây trồng), Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Phát triển nông thôn.	1. Hóa bảo vệ thực vật, NN138, 3 TC
2	Bệnh học thủy sản	Bệnh học thủy sản; Nuôi trồng thủy sản	Thú y; Công nghệ sinh học; Sinh học; Vi sinh vật.	1. Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản, TS326, 3 TC 2. Nuôi trồng thủy sản, TS166, 2 TC 3. Quản lý dịch bệnh thủy sản, TS305, 3 TC
3	Chăn nuôi	Chăn nuôi	Nông học, Thú y.	1. Dinh dưỡng gia súc, NS547, 3 TC
4	Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ chế biến thủy sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Nông học; Kỹ thuật cơ khí; Sinh học; Công nghệ sinh học; Sinh học ứng dụng; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; Khoa học cây trồng (Chuyên ngành Công nghệ giống cây trồng).	1. Hóa học thực phẩm, NS318, 3 TC
5	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	Sư phạm Sinh học/(Sư phạm Sinh – Kỹ thuật nông nghiệp); Sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng; Nông học; Khoa học cây trồng; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Nuôi trồng thủy sản.	1. Sinh học phân tử, CS102, 3TC
6	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Sinh học; Sinh học ứng dụng; Công nghệ sinh học; Công nghệ kỹ thuật hóa học.	1. Hóa học thực phẩm, NS318, 3 TC

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
7	Di truyền và chọn giống cây trồng	Khoa học cây trồng (chuyên ngành Công nghệ giống cây trồng)	Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng.	1. Chọn giống cây trồng, NN373, 2TC
8	1. Hệ thống nông nghiệp 2. Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững (Chuyên ngành thuộc Dự án ODA Nhật Bản)	Nông học	Khuyến nông, Chăn nuôi, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Lâm sinh, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Công nghệ rau quả và cảnh quan.	1. Phát triển cộng đồng, PD115, 3 TC 2. Phương pháp khuyến nông, PD111, 3 TC 3. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, PD217, 3TC
			Ngành khác do Hội đồng tuyển sinh quyết định.	1. Thổ nhưỡng A, NN230, 3TC 2. Nông nghiệp sạch và bền vững, NN286, 2TC 3. Biến đổi khí hậu và sử dụng đất, NN539, 2TC 4. Côn trùng hại cây trồng, NS301, 3TC 5. Bệnh cây trồng, NN359, 2TC 6. Cây lúa, NN186, 3TC 7. Thực tập giáo trình, NN292, NN195, NN420, 2TC 8. Tiểu luận, NN554, NN550, NN551, 4TC 9. Phân tích an ninh lương thực, PD119, 3TC 10. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, PD217, 3TC 11. Phương pháp khuyến nông, PD111, 3TC

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
9	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Khoa học máy tính; Mạng máy tính & Truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính.	1. Lập trình hướng đối tượng, CT176, 3TC 2. Phân tích và thiết kế hệ thống, CT296, 3 TC
10	Hóa hữu cơ	Hóa học	Sư phạm hóa học, Hóa dược, Công nghệ kỹ thuật hóa học; Khoa học vật liệu.	1. Hóa hữu cơ 2, TN177, 3 TC
11	Hóa lý thuyết và hóa lý	Hóa học	Sư phạm Hóa học, Hóa dược, Công nghệ Kỹ thuật Hóa học.	1. Hóa học phân tích 2, TN117, 3 TC
12	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Nông học, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Công nghệ sinh học, Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Phát triển nông thôn, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp.	1. Cây lúa, NN369, 2TC 2. Cây ăn trái, NN361, 2TC
13	Khoa học đất	Khoa học đất	Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Nông học, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.	1. Phì nhiều đất, NN529, 2TC 2. Thổ nhưỡng B, NN131, 2TC 3. Quan hệ đất - nước - cây trồng, NN491, 2TC
14	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; An toàn thông tin; Kỹ thuật máy tính.	1. Lập trình hướng đối tượng, CT176, 3TC 2. Phân tích thiết kế thuật toán, CT174, 3TC
15	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật môi trường.	1. Cơ sở khoa học môi trường: MT107, 2TC 2. Hóa môi trường ứng dụng, MT150, 2TC 3. Đánh giá chất lượng đất nước, không khí: MT328, 2TC

2

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
16	Kinh tế học	Kinh tế	Kinh tế quốc tế, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Quản trị du lịch và lữ hành, Kinh doanh thương mại, Marketing, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế.	1. Kinh tế công cộng: KT114, 3TC
17	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Tài chính - ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế vận tải, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế, Kinh doanh nông nghiệp, Phát triển nông thôn; Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.	1. Kinh tế nông nghiệp, KT318, 3 TC 2. Kinh tế sản xuất, KT304, 3 TC
18	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện; Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tín chỉ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	1. Hệ thống điện 1, CN264, 3 TC hoặc Giải tích hệ thống điện, KC330, 3 TC
19	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật cơ - điện tử; Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật cơ khí; Các ngành khác do hội đồng chuyên môn xem xét và quyết định.	1. Lý thuyết điều khiển tự động, CT377, 3 TC 2. Điều khiển logic có thể lập trình / PLC (CT382 /CN406/CN579), 3 TC 3. Cảm biến và chuyển năng, CT378, 2 TC
20	Kỹ thuật hóa học	Kỹ thuật hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học	Hóa học, Hóa dược, Sur phạm hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật vật liệu kim loại, Công nghệ thực phẩm.	1. Truyền khối – CNHH, CN561, 3TC

2

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
21	Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tín chỉ	Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật vật liệu kim loại, Kỹ thuật Tài nguyên nước, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật dệt.	1. Công nghệ Môi trường, MT161, 2TC 2. Vi sinh Môi trường, MT421, 2TC 3. Hoá Môi trường ứng dụng, MT150, 2TC
22	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tín chỉ	Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật cấp thoát nước.	1. Thủy lực công trình, CN124, 2TC 2. Thủy công, CN315, 3TC
23	Luật kinh tế	Luật kinh tế	Luật; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật quốc tế.	1. Luật thương mại, KL215, 3TC 2. Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự, KL133, 2TC
24	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	1. Nguyên lý dạy học tiếng Anh, SG195, 2 TC 2. Phương pháp dạy học tiếng Anh, SG196, 2 TC 3. Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo, SG011, 2TC <i>Hoặc có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm sẽ được miễn học Bổ sung kiến thức.</i>
25	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp	Sư phạm tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	1. Lý luận dạy học ngoại ngữ, FL217, 2 TC 2. Phương pháp dạy học tiếng Pháp, SG336, 2 TC 3. Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT, SG011, 2 TC <i>Hoặc có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm sẽ được miễn học Bổ sung kiến thức.</i>

2

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
26	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	Sư phạm Toán học	Toán học, Toán ứng dụng, Sư phạm Toán - tin (do Hội đồng tuyển sinh xem xét).	1. Lý luận dạy học Toán, SP 151, 2 TC 2. Phương pháp dạy học toán, SP 152, 2TC <i>Hoặc có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm sẽ được miễn học Bổ sung kiến thức.</i>
27	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn và tiếng Việt	Sư phạm Ngữ văn	Văn học (Những trường hợp đặc biệt, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét).	1. Lý luận dạy học ngữ văn và khoa học xã hội, SG420, 2 TC 2. Phương pháp dạy học ngữ văn, SG139, 2TC <i>Hoặc có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm sẽ được miễn học Bổ sung kiến thức.</i>
28	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Toán ứng dụng	Toán học, Toán cơ, Sư phạm Toán.	1. Giải tích hàm, TN191, 3TC
29	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Bệnh học thủy sản; Kỹ thuật khai thác thủy sản; Quản lý thủy sản	1. Phương pháp nghiên cứu SH cá (TS111), 2TC 2. Quản lý chất lượng môi trường ao nuôi Thủy sản (TS410), 2TC 3. Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt (TS303), 2TC 4. Kỹ thuật sản xuất giống & nuôi giáp xác (TS409), 2TC
30	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Khuyến nông; Nông học; Khoa học cây trồng; Chăn nuôi; Bảo vệ thực vật; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp	1. Kinh tế nông thôn, PD327, 3 TC 2. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, PD217, 3 TC 3. Phương pháp khuyến nông, PD115, 3 TC

2

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
31	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Khoa học đất; Quản lý tài nguyên và môi trường	Học 6 TC 1. Thổ nhưỡng A, NN230, 3 TC 2. Trắc địa đại cương, MT155, 3 TC 3. Đánh giá đất, NN508, 2 TC 4. Luật đất đai, KL327, 3 TC 5. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính, NN297, 2 TC 6. Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai, NN262, 2 TC
32	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục Giáo dục học	Giáo dục học, Tâm lý giáo dục, Tâm lý học, Giáo dục thể chất, các ngành đào tạo giáo viên.	1. Tâm lý học đại cương, SP009, 2TC 2. Giáo dục học, SP079, 3TC 3. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo, SG011, 2TC <i>Hoặc có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm sẽ được miễn học Bổ sung kiến thức.</i>
			Ngành khác có ít nhất 2 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực quản lý giáo dục.	1. Tâm lý học đại cương, SP009, 2TC 2. Giáo dục học, SP079, 3TC 3. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo, SG011, 2TC 4. Tâm lý học sư phạm, SP010, 2TC <i>Hoặc có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm sẽ được miễn học Bổ sung kiến thức.</i>

2

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
33	Quản lý kinh tế	Không có	Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Kinh tế; Kinh tế quốc tế; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	1. Kinh tế quốc tế, KT303, 3 TC
			Ngành khác có ít nhất 2 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	1. Kinh tế học quản lý, KT284, 2 TC 2. Kinh tế quốc tế, KT303, 3 TC
34	1. Quản lý tài nguyên và môi trường 2. Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Quản lý đồng bằng (Chuyên ngành thuộc Dự án ODA Nhật Bản).	Quản lý tài nguyên và môi trường; Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tín chỉ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai, các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tín chỉ.	1. Bản đồ học và GIS, CN122, 2 TC 2. Thống kê phép thí nghiệm – Môi trường, MT116, 2 TC 3. Quản lý chất lượng môi trường, MT309, 2 TC
35	1. Quản lý thủy sản 2. Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Quản lý tổng hợp thủy sản ven biển* (Chuyên ngành thuộc Dự án ODA Nhật Bản) 3. Chuyên ngành: Đa dạng và bảo tồn nguồn lợi thủy sản (Chuyên ngành thuộc Dự án CONSEA).	Quản lý thủy sản	Nuôi trồng thủy sản, Khai thác thủy sản, Bệnh học thủy sản; Nông học; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; và các ngành khác do hội đồng tuyển sinh quyết định.	1. Sinh thái thủy sinh vật, TS104, 2 TC 2. Đánh giá và Quản lý nguồn lợi Thủy sản (TS433), 2 TC 3. Nuôi trồng thủy sản, TS166, 2 TC

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
36	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Kinh tế; Kinh doanh thương mại; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Tài chính ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may. Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế quốc tế, Quan hệ lao động, Quản lý công, Quản trị nhân lực.	1. Mô phỏng tình huống trong kinh doanh, KT207, 3 TC 2. Quản trị rủi ro trong kinh doanh, KT286, 3 TC
37	Sinh thái học	Sinh học	Sư phạm sinh học, Công nghệ sinh học.	1. Sinh lý thực vật B; NN129; 2 TC Sinh lý động vật; SP414; 2 TC
38	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng	Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng.	1. Kinh tế học ngân hàng, KT249, 3 TC 2. Quản trị tài chính, KT308, 3TC
39	Thú y	Thú y	Chăn nuôi; Nông học; Bệnh học thủy sản.	1. Vi sinh Thú y, NN119, 2 TC 2. Miễn dịch học, NS119, 3 TC 3. Dược lý thú y, NN173, 3 TC
40	Toán giải tích	Toán học	Toán ứng dụng, Sư phạm Toán học, Toán tin, Toán cơ.	1. Giải tích hàm, TN191, 3 TC
41	Văn học Việt Nam	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	Văn học, Sư phạm ngữ văn, Hán nôm, Việt Nam học, Ngữ văn.	1. Nguyên lí lí luận văn học, XN216, 3 TC 2. Tác phẩm văn học và thể loại văn học, XN442, 3 TC 3. Tiến trình văn học, SP531, 2 TC
42	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý học	Thiên văn học, Sư phạm vật lý, Vật lý kỹ thuật, Khoa học vật liệu, Vật lý nguyên tử và hạt nhân.	1. Cơ học lượng tử - 3TC

TT	Ngành dự tuyển cao học	Tên ngành đại học đúng và phù hợp (không phải học BSKT)	Ngành gần (Học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
43	Vi sinh vật học	Sinh học	Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Công nghệ sinh học.	1. Virus học đại cương, CS108, 2 TC 2. Phương pháp phân tích vi sinh vật, CS118, 2 TC

II. Trình độ Tiến sĩ

TT	Chuyên ngành tuyển	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành cao học phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được thông báo sau khi được xét tuyển)
		Đại học	Cao học	
1	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Khoa học cây trồng, Phát triển nông thôn, Di truyền và chọn giống cây trồng, Khoa học đất, Hệ thống nông nghiệp.
2	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	Thú y	Thú y	Chăn nuôi; Bệnh học thủy sản.
3	Chăn nuôi	Chăn nuôi	Chăn nuôi	Thú y, Phát triển nông thôn.
4	Công nghệ Sinh học	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	Nhân chủng học, Động vật học, Thực vật học, Sinh học thực nghiệm, Sinh thái học, Di truyền học, Vi sinh vật học, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch và các ngành khác theo quyết định của Hội đồng tuyển sinh
5	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy sản ; các ngành khác theo quyết định của hội đồng tuyển sinh.
6	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Công nghệ thông tin, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật máy tính, An toàn thông tin. Các ngành khác do hội đồng tuyển sinh quyết định.

2

TT	Chuyên ngành tuyển	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành cao học phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được thông báo sau khi được xét tuyển)
		Đại học	Cao học	
7	Hóa hữu cơ	Hóa học	Hóa hữu cơ	Hóa vô cơ, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và hóa lý, Hóa môi trường, Khoa học vật liệu, Hóa học, Kỹ thuật Hóa học, Khoa học môi trường, Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Hóa học, Sinh học thực nghiệm, Hóa sinh học, Công nghệ sinh học; Kỹ thuật y sinh, Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường; Công nghệ thực phẩm; Khoa học y sinh, Dược lý và độc chất, Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc, Hóa dược, Dược liệu - Dược học cổ truyền, Hóa sinh dược, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất, Dinh dưỡng.
8	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Bảo vệ thực vật; Di truyền và chọn giống cây trồng; Khoa học đất.
9	Khoa học đất	Khoa học đất	Khoa học đất	Khoa học cây trồng, Quản lý đất đai, Hệ thống nông nghiệp, Bảo vệ thực vật, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường.
10	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	Phát triển nông thôn, Quản trị kinh doanh; Tài chính - ngân hàng; Kế toán, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Kinh tế học. Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế, Bảo hiểm; Kinh tế đầu tư; Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị văn phòng; Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thủy sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý biển đảo và đới bờ.

TT	Chuyên ngành tuyển	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành cao học phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được thông báo sau khi được xét tuyển)
		Đại học	Cao học	
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật rada - dẫn đường, Kỹ thuật viễn thông, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật y sinh; Các ngành khác do Hội đồng tuyển sinh quyết định
12	Môi trường đất và nước	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Khoa học đất; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Sinh thái học; Kỹ thuật tài nguyên nước; Quản lý đất đai; Công nghệ sinh học; Các trường hợp cụ thể khác sẽ được xét duyệt bởi hội đồng tuyển sinh.
13	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Bệnh học thủy sản, Quản lý thủy sản, Phát triển nông thôn; Các ngành khác theo quyết định của hội đồng tuyển sinh.
14	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Khoa học cây trồng, Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Khoa học đất, Hệ thống nông nghiệp, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý kinh tế
15	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Khoa học đất; Quản lý tài nguyên và môi trường; Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ thạc sĩ khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tín chỉ.
16	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Kinh doanh quốc tế; Tài chính - Ngân hàng; Kinh tế nông nghiệp; Kế toán; Kinh tế học, Quản trị nhân lực, Quản lý kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Bảo hiểm, Khoa học quản lý

TT	Chuyên ngành tuyển	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành cao học phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được thông báo sau khi được xét tuyển)
		Đại học	Cao học	
17	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng/Tài chính doanh nghiệp.	Bảo hiểm, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh thương mại, Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế nông nghiệp, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
18	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý học	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Thiên văn học, Vật lý chất rắn, Vật lý vô tuyến và điện tử, Vật lý nguyên tử, Vật lý địa cầu, Hóa lý thuyết và hóa lý, Khoa học vật liệu, Cơ học, Quang học, Vật lý kỹ thuật.
19	Vi sinh vật học	Sinh học	Vi sinh vật học	Công nghệ sinh học, Sinh thái học, Thủy sinh vật học, Hoá sinh học, Thực vật học, Sinh học thực nghiệm, Nhân chủng học, Di truyền học, Động vật học, Sinh học.

Cần Thơ ngày 16 tháng 11 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hiền